

Auf jeden Fall! A2.1

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
Wortschatz zu Lektion 1: Große Gefühle				
Wie fühlst du dich?				
	ängstlich		sợ hãi	
	sich ärgern über		tức giận về	
das	Bild	Bilder	ảnh	
	dankbar		biết ơn	
	sich freuen über		mong chờ	
das	Glück		niềm hạnh phúc	
	glücklich		hạnh phúc	
	sich interessieren für		quan tâm đến	
	leidtun		lấy làm tiếc	
die	Liebe		tình yêu	
	traurig		buồn	
	überrascht		ngạc nhiên	
die	Überraschung	Überraschungen	sự ngạc nhiên	
das	Unglück		sự bất hạnh	
	verliebt		đang yêu	
die	Vorsicht		thận trọng	
	sich wundern über		phân vân về	
	wütend		giận giữ	
	zufrieden		hài lòng	
	möglich		có thể	
	unmöglich		không thể	
	schnell		nhanh	
	langsam		chậm	
	sich gut/schlecht fühlen		cảm thấy tốt/tồi tệ	
	Das ist sehr schade.		Thật là tiếc.	

Auf jeden Fall! A2.1

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
Freude pur!				
	andere		khác	
	echt		thật	
	sich erholen von		lấy lại sức từ	
die	Freude		niềm vui	
	fröhlich		vui vẻ	
	sich konzentrieren auf		tập trung vào	
	lächeln		mỉm cười	
	lachen		cười	
	lustig		buồn cười	
	normal		bình thường	
	verrückt		điên khùng	Sie rennt und springt fünf Minuten lang wie verrückt durch den Garten.
	witzig		hài hước	
Was machst du gegen negative Gefühle?				
	aggressiv		hung hãn	
die	Dankbarkeit		lòng biết ơn	
	enttäuscht von		thất vọng về	
das	Gefühl	Gefühle	cảm giác	
	genervt von		khó chịu bởi	
	geschockt von		bị sốc bởi	Ich war wirklich geschockt von dieser Nachricht.
	gestresst von		bị căng thẳng bởi	
die	Gewalt		bạo lực	
	interessiert an		quan tâm đến	
der	Konflikt	Konflikte	xung đột	
	sich melden bei		liên hệ với	
	negativ		tiêu cực	

Auf jeden Fall! A2.1

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
	sauer auf		tức giận với	
der	Streit		cuộc đối đầu	
das	Training	Trainings	đào tạo	
	sich verabreden mit		hẹn với	
die	Wut		cơn giận	
die	Zufriedenheit		sự hài lòng	
Wortschatz zu Lektion 2: Mein Körper, meine Pflege				
Meine Bürste ist aus Holz.				
	(sich) anziehen		mặc đồ	
	baden		tắm	
	benutzen		sử dụng	
die	Bürste	Bürsten	bàn chải	
die	Creme	Cremes	kem	
die	Dose	Dosen	hộp	
	(sich) eincremen		bôi kem	
	gefährlich		nguy hiểm	
das	Gesicht	Gesichter	mặt	
die	Haut		da	
das	Holz		gỗ	
	herstellen		sản xuất	
die	Idee	Ideen	ý tưởng	
der	Kamm	Kämme	lược	
	(sich) kämmen		chải tóc	
die	Körperpflege		chăm sóc cơ thể	
die	Kosmetik		mỹ phẩm	
das	Make-up		trang điểm	
	nachhaltig		bền vững	

Auf jeden Fall! A2.1

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
der	Nagel	Nägel	móng	
das	Parfüm	Parfüms	nước hoa	
	praktisch		thiết thực	
das	Produkt	Produkte	sản phẩm	
	produzieren		sản xuất	
	(sich) rasieren		cạo râu	
	(sich) schminken		trang điểm	
der	Topf	Töpfe	cái hũ	
die	Umwelt		môi trường	
	verpackt		đóng gói	
die	Verpackung	Verpackungen	bao bì	
	(sich) waschen		tắm rửa	
	wiederverwenden		tái sử dụng	
	flüssig		chất lỏng	
	fest		cứng	
	die Haare schneiden		cắt tóc	
	(sich) die Zähne putzen		đánh răng	
Ich finde, dass mein Körper schön ist.				
der	Körper	Körper	cơ thể	
der	Humor		tính hài hước	
die	Schönheit		sắc đẹp	
	sich wohlfühlen		cảm thấy thoải mái	
	dick		mập	
	dünn		gầy	
	glücklich		hạnh phúc	
	unglücklich		khổ sở	

Auf jeden Fall! A2.1

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
	positiv		tích cực	
	negativ		tiêu cực	
	gute/schlechte Laune haben		có tâm trạng tốt/tồi tệ	
	ein eigenes Geschäft eröffnen		mở kinh doanh riêng	
	eine eigene Praxis gründen		thành lập phòng hành nghề	

Ich arbeite für die Schönheit.

	beraten		tư vấn	
der	Friseur	Friseure	thợ làm tóc (nam)	
die	Friseurin	Friseurinnen	thợ làm tóc (nữ)	
	meistens		hầu hết	
die	Mode		thời trang	
	operieren		vận hành	
	(sich) pflegen		chăm sóc	
	reinigen		lau dọn	

Wortschatz zu Lektion 3: Das feiern wir**Ein Büfett für unsere Gäste**

der	Alkohol		rượu	
die	Anfrage	Anfragen	yêu cầu	
das	Angebot	Angebote	chào hàng	
das	Baby	Babys	trẻ sơ sinh	
das	Besteck		dao nĩa	
die	Bohne	Bohnen	hạt đậu	
das	Büfett	Büfettis	buffet	
das	Catering		dịch vụ ăn uống	
das	Dessert	Desserts	món tráng miệng	
die	Gabel	Gabeln	cái nĩa	
das	Gericht	Gerichte	món ăn	

Auf jeden Fall! A2.1

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
	gern(e)		vui lòng	
	gemeinsam		cùng nhau	
das	Geschirr		đĩa	
das	Hähnchen	Hähnchen	thịt gà	
das	Hauptgericht	Hauptgerichte	món chính	
	heiraten		kết hôn	
der	Jugendliche	Jugendlichen	thanh thiếu niên	
die	Jugendliche	Jugendlichen	thanh thiếu niên	
die	(Kaffee-)Maschine	(Kaffee-)Maschinen	máy (pha cà phê)	
der	Karneval		lễ hội hóa trang	
	kennenlernen		làm quen	
der	Löffel	Löffel	thìa	
das	Messer	Messer	dao	
die	Party	Partys	tiệc	
das	Rindfleisch		thịt bò	
die	Scheidung	Scheidungen	ly hôn	
das	Schweinefleisch		thịt heo	
der	Trend	Trends	xu hướng	
die	Trennung	Trennungen	chia ly	
	typisch		đặc trưng	
der	Veganer	Veganer	người ăn thuần chay (nam)	
die	Veganerin	Veganerinnen	người ăn thuần chay (nữ)	
der	Vegetarier	Vegetarier	người ăn chay (nam)	
die	Vegetarierin	Vegetarierinnen	người ăn chay (nữ)	
	sich verlieben		phải lòng	Wir haben uns verliebt.
die	Vorspeise	Vorspeisen	món khai vị	

Auf jeden Fall! A2.1

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
Ich hätte gern die Pilzpfanne.				
	bestellen		đặt hàng	
das	Bier	Biere	bia	
die	Birne	Birnen	quả lê	
die	Bratwurst	Bratwürste	xúc xích nướng	
	gebraten		chiên	
	gegrillt		nướng	
	möglich		có thể	
der	Schinken	Schinken	giăm bông	
die	Speisekarte	Speisekarten	thực đơn	
	Hunger/Durst haben		đói/ khát	
Das ist schiefgelaufen.				
	sich beschweren		phàn nàn	
die	Feier	Feiern	kỷ niệm	
	kaputtgehen		bị hỏng	
der	Leiter	Leiter	người quản lý (nam)	
die	Leiterin	Leiterinnen	người quản lý (nữ)	
die	Meinung	Meinungen	quan điểm	
der	Musiker	Musiker	nhạc sĩ (nam)	
die	Musikerin	Musikerinnen	nhạc sĩ (nữ)	
	normalerweise		thông thường	
die	Panne	Pannen	trục trặc	Es gab eine Panne.
	scharf		sắc	Das Essen war so scharf.
	schieflaufen		có sự cố, hỏng	
	schrecklich		kinh khủng	
der	Teller	Teller	đĩa	

Auf jeden Fall! A2.1

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
	verschieden		khác biệt	
	weinen		khóc	
die	Wurst	Würste	xúc xích	
	freundlich		thân thiện	
	unfreundlich		không thân thiện	

Wortschatz zu Lektion 4: Tolle Pläne

Wollen wir etwas zusammen unternehmen?

	anmelden		đăng ký	
	aufregend		phấn khởi	
die	Band	Bands	ban nhạc	
	beide		cả hai	
das	Einkaufszentrum	Einkaufszentren	trung tâm mua sắm	
der	Eintritt		lối vào	
der	Flohmarkt	Flohmärkte	chợ trời	
die	Geschichte	Geschichten	truyện, lịch sử	
die	Komödie	Komödien	hài kịch	
der	Krimi	Krimis	trình thám	
der	Kuchen	Kuchen	bánh ngọt	
	romantisch		lãng mạn	
das	Schwimmbad	Schwimmbäder	hồ bơi	
die	(Sport-)Halle	(Sport-)Hallen	phòng thể dục	
der	Sportplatz	Sportplätze	sân thể thao	
	stattfinden		diễn ra	
	unternehmen		công ty	
die	Veranstaltung	Veranstaltungen	sự kiện	
	vergessen		quên	
der	Vorschlag	Vorschläge	gợi ý	

Auf jeden Fall! A2.1

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
die	Vorstellung	Vorstellungen	giới thiệu	
der	Wald	Wälder	rừng	
der	Zoo	Zoos	vườn bách thú, sở thú	
	vorher		trước đó	
	gratis = kostenlos		tự do = miễn phí	
	genau ... Minuten/Stunden		đúng...phút/giờ	Die Komödie dauert genau 90 Minuten.
	Lust haben auf		có hứng với	Ich habe keine Lust auf Krimis.
	Einverstanden!		Đồng ý!	
	Prima!		Tuyệt!	
	Das hört sich interessant an!		Nghe có vẻ thú vị!	
	Das klingt gut!		Điều đó nghe có vẻ hay!	
	Ich kann erst um sieben.		Tôi có thể từ bảy giờ là sớm nhất.	
Habt ihr das schon mal probiert?				
	absagen		từ chối	
	ausprobieren		thử	
	berühmt		nổi tiếng	
	erklären		giải thích	
	fantastisch		tuyệt vời	
	fotografieren		chụp hình	
	gewinnen		thắng	
	holen		đón	
das	Kaufhaus	Kaufhäuser	cửa hàng bách hóa	
das	Kostüm	Kostüme	trang phục	
die	Messe	Messen	hội chợ	
der	Roman	Romane	tiểu thuyết	
	teilnehmen an		tham gia vào	Sie nehmen gemeinsam an einer Kulturveranstaltung teil.

Auf jeden Fall! A2.1

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
	verbringen		dành thời gian	
der	Wettbewerb	Wettbewerbe	cuộc thi	
	Es hat gut geklappt.		Hoạt động tốt.	
Wir wollten eigentlich ...				
der	Ball	Bälle	quả bóng	
	beenden		kết thúc	
der	Bekannte	Bekannten	người quen	
die	Bekannte	Bekannten	người quen	
der	Besuch	Besuche	cuộc thăm	
	eigentlich		thực ra	
das	Festival	Festivals	lễ hội	
	gestern		hôm qua	
das	Klavier	Klaviere	dương cầm	
die	Kreditkarte	Kreditkarten	thẻ tín dụng	
	malen		vẽ	
die	Mitternacht		nửa đêm	
das	Picknick	Picknicks	dã ngoại	
der	Plan	Pläne	kế hoạch	
der	Schauspieler	Schauspieler	diễn viên (nam)	
die	Schauspielerin	Schauspielerinnen	diễn viên (nữ)	
	üben		luyện tập	
die	Verabredung	Verabredungen	cuộc hẹn	
	vorgestern		ngày hôm kia	
	einen Spaziergang machen		đi dạo	

Auf jeden Fall! A2.1

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
Wortschatz zu Lektion 5: Neue Ziele				
Ich suche einen neuen Job.				
das	Abitur		bằng tốt nghiệp trung học phổ thông abitur	
der	Arbeitstag	Arbeitstage	ngày làm việc	
die	Aufgabe	Aufgaben	nhiệm vụ,	
der	Bachelor		cử nhân	
	beruflich		về chuyên môn	
	sich bewerben		ứng tuyển	Auf den Jobmessen kann man sich manchmal direkt bewerben.
	entwickeln		phát triển	
der	Ingenieur	Ingenieure	kỹ sư (nam)	
die	Ingenieurin	Ingenieurinnen	kỹ sư (nữ)	
der	Job	Jobs	công việc	
der	Journalist	Journalisten	nhà báo (nam)	
die	Journalistin	Journalistinnen	nhà báo (nữ)	
die	Karriere	Karrieren	ngành nghiệp	
der	Lebenslauf	Lebensläufe	sơ yếu lý lịch	
	mindestens		ít nhất	
die	Note	Noten	điểm	
die	Stellenanzeige	Stellenanzeigen	quảng cáo việc làm	
das	Video	Videos	băng hình	
	eine Bewerbungsmappe mit Anschreiben und Lebenslauf		một hồ sơ ứng tuyển có thư xin việc và sơ yếu lý lịch	
	die Kontaktdaten angeben		cung cấp chi tiết liên lạc	

Auf jeden Fall! A2.1

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
Sind Sie neu hier? Willkommen!				
die	Abteilung	Abteilungen	phòng ban	
	anfangen		bắt đầu	
	arbeitslos		thất nghiệp	
	empfehlen		giới thiệu	
	kündigen		nghi việc	
	meinen		nghĩ	
	passend		phù hợp	
	nervös		hồi hộp	
die	Notiz	Notizen	ghi chú	
	reden		nói chuyện	
	total		tổng cộng	
das	Ziel	Ziele	mục tiêu	
	zusammenarbeiten		làm việc cùng nhau	
	sich duzen		gọi nhau là “du”	
	sich siezen		gọi nhau là “du”	
	per Post/E-Mail		qua đường bưu điện/email	
Wo bin ich in fünf Jahren?				
der	Angestellte	Angestellten	nhân viên	
die	Angestellte	Angestellten	nhân viên	
die	Arbeitszeit	Arbeitszeiten	giờ làm việc	
	bedeuten		nghĩa là	
	besprechen		bàn luận	
die	Bewerbung	Bewerbungen	ứng tuyển	
	einladen		mời	
der	Erfolg	Erfolge	thành công	
die	Fortbildung	Fortbildungen	đào tạo nâng cao	

Auf jeden Fall! A2.1

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
das	Gehalt	Gehälter	lương	
das	Gespräch	Gespräche	cuộc nói chuyện	
das	Homeoffice		văn phòng tại nhà	
die	Kommunikation		giao tiếp	
der	Manager	Manager	người quản lý (nam)	
die	Managerin	Managerinnen	người quản lý (nữ)	
	motiviert		có động lực	
der	Selbstständige	Selbständigen	người tự kinh doanh	
die	Selbstständige	Selbständigen	người tự kinh doanh	
der	Teamleiter	Teamleiter	trưởng nhóm (nam)	
die	Teamleiterin	Teamleiterinnen	trưởng nhóm (nữ)	
die	Überstunde	Überstunden	giờ làm thêm	
die	Umschulung	Umschulungen	đào tạo chuyển ngành	
die	Weiterbildung	Weiterbildungen	đào tạo nâng cao	
	sympathisch		thông cảm	
	unsympathisch		không thông cảm	
	zufrieden		hài lòng	
	unzufrieden		không hài lòng	
	(in) Teilzeit/Vollzeit arbeiten		làm việc bán thời gian/toàn thời gian	
	sich selbstständig machen		tự kinh doanh	
	Ich bin meine eigene Chefin/ mein eigener Chef!		Tôi tự làm chủ!	

Wortschatz zu Lektion 6: Von morgens bis abends

Diese Woche ist voll bei mir!

der	(Personal-)Ausweis	(Personal-)Ausweise	chứng minh nhân dân
das	Amt	Ämter	cơ quan thẩm quyền
die	Bank	Banken	ngân hàng

Auf jeden Fall! A2.1

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
	beantragen		làm đơn	
	beantworten		trả lời	
die	Behörde	Behörden	cơ quan chức năng	
	definitiv		đứt khoát	
	furchtbar		kinh khủng	
der	Handwerker	Handwerker	thợ thủ công (nam)	
die	Handwerkerin	Handwerkerinnen	thợ thủ công (nữ)	
der	Kalender	Kalender	lịch	
das	Meeting	Meetings	cuộc họp	
	notieren		ghi chú	
der	(Reise-)Pass	(Reise-)Pässe	hộ chiếu	
die	Reparatur	Reparaturen	sửa chữa	
	schließlich		cuối cùng	
	schlimm		tồi tệ	
	tagsüber		ban ngày	
	voll		đạt đến giới hạn	
	vorbereiten		chuẩn bị	
	zuerst		đầu tiên	
	müde		mệt, buồn ngủ	
	wach		thức	
	die ganze Zeit/den ganzen Tag/ die ganze Nacht		mọi lúc/cả ngày/cả đêm	
	gut/schlecht gelaunt sein		có tâm trạng tốt/tồi tệ	
	höflich		lịch sự	
	unhöflich		bất lịch sự	
	Das stresst mich!		Điều đó làm tôi căng thẳng!	

Auf jeden Fall! A2.1

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
Woran sollten wir denken?				
	anbieten		cung cấp	
	anschließend		sau đó	
	erledigen		hoàn thành	
die	(Gäste-)Liste	(Gäste-)Listen	danh sách khách	
die	Kantine	Kantinen	nhà ăn	
	sich kümmern um		phụ trách	Sie kümmern sich um die Planung.
	mithelfen		cùng giúp đỡ	
	nennen		đặt tên	
	organisieren		tổ chức	
der	Partner	Partner	đối tác (nam)	
die	Partnerin	Partnerinnen	đối tác (nữ)	
die	Präsentation	Präsentationen	bài thuyết trình	
	präsentieren		thuyết trình	
das	Programm	Programme	chương trình	
der	Punkt	Punkte	điểm	
das	Quiz	Quiz	câu đố	
	spätestens		muộn nhất	
das	Spiel	Spiele	trò chơi	
die	Süßigkeit	Süßigkeiten	đồ ngọt	
	verschicken		gửi	
	verteilen		phân phát	
Ich hätte gern einen Internetanschluss.				
	bestätigen		xác nhận	
die	Bestätigung	Bestätigungen	xác nhận	
	dringend		khẩn cấp	
das	Festnetz		điện thoại cố định	

Auf jeden Fall! A2.1

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
der	Internetanschluss	Internetanschlüsse	kết nối internet	
die	Kopie	Kopien	sao chép	
der	Router	Router	bộ định tuyến	
der	Techniker	Techniker	kỹ thuật viên (nam)	
die	Technikerin	Technikerinnen	kỹ thuật viên (nữ)	
die	Uhrzeit	Uhrzeiten	thời gian	
	unterschreiben		ký	
	verschieben		hoãn	
der	Vertrag	Verträge	hợp đồng	
	einen Termin verschieben		hoãn cuộc hẹn	
	Auf Wiederhören!		Tạm biệt!	